

# Máy Chuẩn Độ Số Hóa Hach



## Chuẩn độ chính xác, tiện lợi mà không cần đến các buret thủy tinh công kênh, dễ vỡ hoặc gây lãng phí.

Máy Chuẩn Độ Số Hóa là thiết bị độc đáo, dù mang tên 'số hóa' nhưng vận hành hoàn toàn cơ học và thủ công, không cần nguồn điện ngoài. Sản phẩm sáng tạo này được thiết kế với hộp thuốc thử thay nhanh, cho phép thực hiện nhiều phép chuẩn độ chỉ bằng cách thay đổi hộp và ống phân phối. Tính năng này giúp tiết kiệm đáng kể thời gian vệ sinh và lắp ráp các buret thủy tinh công kênh, dễ vỡ, đồng thời gần như loại bỏ nguy cơ nhiễm chéo và chuẩn độ quá mức.

Máy Chuẩn Độ Số Hóa mang lại độ chính xác cao tương đương với phương pháp buret truyền thống nhưng dễ sử dụng hơn. Thiết kế nhỏ gọn và bền chắc phù hợp cho cả phòng thí nghiệm lẫn hiện trường. Thiết bị phân phối chuẩn độ này giúp bạn thực hiện phép đo nhanh chóng, tiết kiệm chi phí. Được chế tạo với độ bền vượt trội, sản phẩm được bảo hành trọn đời: Công ty Hach® sẽ sửa chữa hoặc thay thế miễn phí nếu không bị sử dụng sai mục đích. Dù bạn mang máy đến các điểm lấy mẫu tại nhà máy nước, nước thải hay ra hiện trường nghiên cứu môi trường, chất lượng nước, máy đều đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng thường xuyên và liên tục.

Chỉ nặng 132 gram (ít hơn 4 oz.), cùng nhiều loại hộp thuốc thử thay thế, Bộ chuẩn độ kỹ thuật số là thiết bị đa năng và hữu ích cho bất kỳ phòng thí nghiệm nào.

### Kết quả chính xác - đúng lúc, đúng nơi bạn cần

Các phương pháp chuẩn độ kỹ thuật số sử dụng thiết bị phân phối chính xác cao cùng hộp thuốc thử cô đặc, cho phép phân tích hiệu quả tại phòng lab, nhà máy hoặc ngoài hiện trường.

### Nhanh chóng và linh hoạt

Hộp thuốc thử thay thế giúp bạn đổi thuốc thử chỉ trong vài giây. Không cần rửa hay vệ sinh ống buret.

### Đa dụng

Có hơn 50 lựa chọn thông số và dải đo khác nhau để sử dụng

### Tiết kiệm chi phí

Dung dịch chuẩn đậm đặc cho phép thực hiện 40-100 lần chuẩn độ thông thường chỉ với một ống chứa.

### Để xác định điểm kết thúc hơn

Giá trị dùng để tính toán nồng độ mẫu được ghi lại trực tiếp từ bộ đếm số của Digital Titrator. Với nhiều phương pháp, số hiển thị chính là nồng độ cần tìm.

## Thông số kỹ thuật\*

### Bộ định lượng kỹ thuật số

<b>Phân phối</b>	800 số/mL
<b>Độ chính xác</b>	± 1% (Sai số của kết quả là 1 số. Phần lớn mẫu thử cần hơn 100 số)
<b>Khối lượng</b>	132 g (4 oz.)

### Ống thuốc thử

<b>Dung tích</b>	13 mL
<b>Số lần thử nghiệm</b>	50 - 100. Đa số hóa chất được pha chế để thực hiện khoảng 100 lần chuẩn độ tiêu chuẩn. Số lần thử nghiệm thực tế có thể thay đổi tùy thuộc vào độ đậm đặc của mẫu.
<b>Khối lượng</b>	56,75 g (2 oz.)

\*Có thể thay đổi mà không báo trước.

## Phụ kiện chuẩn độ có sẵn\*

Thông số	Mã sản phẩm	Ứng dụng	Mô tả	Khoảng đo (phụ thuộc vào thể tích mẫu)
Axit - Bazơ	1439001	4	8.00 N HCl	10 - 4000 meq/L Bazơ
	1439101		8.00 N H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	10 - 4000 meq/L Bazơ
	1438101		8 N NaOH	10 - 4000 meq/L Axit
Độ axit	1437701	1, 2, 3	0.1600 N NaOH	10 - 160 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1437901		1.600 N NaOH	1 - 4000 mg/L CaCO <sub>3</sub>
Độ kiềm	1438801	1, 2, 3	0.1600 N H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	10 - 160 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1438901		1.600 N H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub>	100 - 4000 mg/L CaCO <sub>3</sub>
Độ cứng, Canxi và tổng	1436401	1, 2, 3	0.0800 M EDTA	10 - 160 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1439901		0.800 M EDTA	100 - 4000 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1440201		CDTA‡, 0.0800 M	10 - 160 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1440301		CDTA‡, 0.800 M	100 - 4000 mg/L CaCO <sub>3</sub>
	1496001		0,1428 M EDTA	1 - 16 G.d.h.
	1495901		0,714 M EDTA	10 - 200 G.d.h.
Điôxít cacbon	1437801	1, 2	0,3636 N NaOH	10 - 100 mg/L CO <sub>2</sub>
	1438001		3,636 N NaOH	100 - 1000 mg/L CO <sub>2</sub>
Clorua	1439601	1, 2, 3	0,2256 N AgNO <sub>3</sub>	10 - 100 mg/L Cl <sup>-</sup>
	1439701		1,128 N AgNO <sub>3</sub>	100 - 10000 mg/L Cl <sup>-</sup>
	1439301		0,2256 N Hg(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	10 - 160 mg/L Cl <sup>-</sup>
	92101		2,256 N Hg(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	100 - 8000 mg/L Cl <sup>-</sup>
Clorin	2259901	1, 2, 3	PAO**, 0,00451 N	0,001 - 1 mg/L dưới dạng Cl <sub>2</sub>
	2142001		PAO**, 0,00451 N	0,01 - 10 mg/L dưới dạng Cl <sub>2</sub>
	199901	1, 2	0,00564 N PAO	0 - 1000 µg/L Cl <sub>2</sub>
	2292301		0,00564 N FEAS	0 - 3,00 mg/L Cl <sub>2</sub>
	2267301	4	0,113 N Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	20 - 2000 mg/L Cl <sub>2</sub>
	1440101		2,00 N Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	2000 - 70000 mg/L Cl <sub>2</sub>
Crômát	2267601	4	0,2068 N Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	20 - 400 mg/L CrO <sub>4</sub>
Chất chelat tự do	2062501	4	0,0800 M MgCl <sub>2</sub>	0 - 20,0 mg/L CaCO <sub>3</sub>
EDTA	2081701	1, 4	0,0716 M EDTA	10 - 100 mg/L Fe
	2081801		0,716 M EDTA	100 - 1000 mg/L Fe
Oxy hoà tan	2267501	1, 2, 3	0,200 N Na <sub>2</sub> S <sub>2</sub> O <sub>3</sub>	1 - 10 mg/L DO
Sulfit	2393701	3	2,570 N Hg(NO <sub>3</sub> ) <sub>2</sub>	0 - 100 ppt Độ mặn
Sulfit	1496101	1, 2, 3	0,3998 N KIO <sub>3</sub> -KI	0 - 800 mg/L SO <sub>3</sub> <sup>2-</sup>
Axit bay hơi	1484201	4	0,9274 N NaOH	100 - 2400 mg/L CH <sub>3</sub> COOH

Lưu ý: không phải tất cả sản phẩm đều có mặt tại mọi khu vực địa lý.

\*Có nhiều loại ống chuẩn khác. Xin lưu ý cần thêm các hóa chất khác ngoài cartridge chuẩn độ này để hoàn thành quy trình kiểm tra.

† Phù hợp để phân tích, nhưng không giới hạn ở các ứng dụng sau: 1 = nước; 2 = nước thải; 3 = nước biển; 4 = khác.

‡ CDTA được thay thế cho EDTA khi mẫu có chứa sắt.

## Thông tin đặt hàng

<b>1690001</b>	Bộ chuẩn độ kỹ thuật số kèm hộp nhựa, sách hướng dẫn và 5 ống phân phối thẳng
<b>1720500</b>	Ống phân phối thẳng có móc J, 5 chiếc/gói
<b>4157800</b>	Ống phân phối dùng cho chuẩn độ kỹ thuật số, uốn góc 90°
<b>1449501</b>	Ống cartridge chuẩn độ rộng với nhãn trắng
<b>1940100</b>	Giá đỡ điện cực và máy chuẩn độ số
<b>2270900</b>	Bộ kit chuẩn độ số

## Bộ kit chuẩn độ số & bộ thuốc thử

Nhiều bộ kit kiểm tra đơn và đa chỉ tiêu được trang bị máy chuẩn độ số, giúp kiểm tra chuẩn độ nhanh chóng và tiện lợi ngay tại chỗ. Các bộ kit này bao gồm máy chuẩn độ số, ống chứa thuốc thử phù hợp, dung dịch đệm và/hoặc chỉ thị, cùng với cốc, bình tam giác hoặc dụng cụ thí nghiệm cần thiết khác.

Bộ kit chuẩn độ số đa năng có thể tùy chỉnh theo nhu cầu phân tích của bạn bằng cách bổ sung các bộ thuốc thử tùy chọn. Đặt mua với mã danh mục 2270900.

<b>2064000</b>	Bộ kiểm tra độ axit, mẫu AC-DT
<b>2063700</b>	Bộ kiểm tra độ kiềm, mẫu AL-DT
<b>2064100</b>	Bộ kiểm tra khí CO <sub>2</sub> , mẫu CA-DT
<b>2063500</b>	Bộ kiểm tra clo, mẫu CD-DT
<b>2580600</b>	Bộ kiểm tra clo, mẫu CDS-DT
<b>2063600</b>	Bộ kiểm tra độ cứng, mẫu HA-DT
<b>2063900</b>	Bộ dụng cụ kiểm tra độ cứng, Mẫu HAC-DT
<b>2687000</b>	Bộ kit kiểm tra Hypochlorite, Mẫu CN-HRDT
<b>2063300</b>	Bộ dụng cụ kiểm tra Sulfit, Mẫu SU-DT
<b>2471100</b>	Bộ kiểm tra tổng Clo, Mẫu CN-DT

## Bộ kit đa chỉ tiêu

Các bộ kit được đi kèm hóa chất thử nghiệm tương ứng. Quý khách vui lòng đặt mua hóa chất thay thế theo hướng dẫn trong từng bộ kit.

<b>2350700</b>	Bộ kiểm tra nước lò hơi & nước giải nhiệt chuyên nghiệp, Mẫu PBC-DT
<b>243001</b>	Bộ kiểm tra nuôi trồng thủy sản 10 chỉ tiêu, Mẫu FF-2
<b>243003</b>	Bộ kiểm tra nuôi trồng thủy sản nước mặn, Mẫu FF-3



Trụ sở chính toàn cầu: Loveland, Colorado, Hoa Kỳ | [hach.com](http://hach.com)

Hoa Kỳ 800-227-4224 fax: 970-669-2932 email: [orders@hach.com](mailto:orders@hach.com) Bên ngoài Hoa Kỳ  
970-669-3050 fax: 970-461-3939 email: [intl@hach.com](mailto:intl@hach.com)

©Hach Company, 2025. Đã đăng ký bản quyền.

Để nâng cao và cập nhật thiết bị, Hach Company có quyền thay đổi thông số kỹ thuật bất kỳ lúc nào.

DOC052.32.25038.Jul25